

Số: 135 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên”, của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 107/EVNPMP1-KTAT ngày 10 tháng 01 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên” (sau đây gọi là Dự án) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ và Vĩnh Phúc với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06

tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

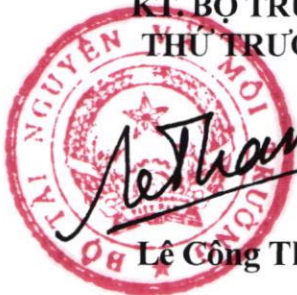
Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- UBND các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc;
- Sở TN&MT các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: VT, VPMC, MT. HH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐƯỜNG DÂY 500 kV LÀO CAI - VINH YÊN”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên.
- Địa điểm thực hiện Dự án: tỉnh Lào Cai, tỉnh Yên Bái, tỉnh Phú Thọ và tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chủ dự án: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên gồm 02 mạch, chiều dài 229,3 km, 470 trụ điện. Dự án có điểm đầu tại thanh cái 500 kV của trạm biến áp 500 kV Lào Cai nằm trên địa phận xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; điểm cuối tại thanh cái 500 kV của trạm biến áp 500 kV Vĩnh Yên nằm trên địa phận xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dự án Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên thực hiện theo Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án.

- Tổng diện tích các loại đất ảnh hưởng bởi Dự án là 846,75 ha, trong đó: Diện tích chiếm đất vĩnh viễn tại các vị trí móng trụ điện 63,03 ha; diện tích đất ảnh hưởng bởi hành lang tuyến không thu hồi chỉ hạn chế khả năng sử dụng 670,7 ha; diện tích đất ảnh hưởng tạm thời do thi công 113,02 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

- Phần đường dây 500 kV:
 - + Dự án Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên gồm 02 mạch, chiều dài 229,3 km, 470 trụ điện; móng trụ bằng bê tông cốt thép đúc tại chỗ; cột thép hình mạ kẽm, thép ống; cột đỡ dùng cột một thân, cột néo dùng cột một thân và hai thân.
 - + Sử dụng dây dẫn điện tăng cường 4xAACSR450/59 cho các khoảng cột vượt sông Lô, vượt rừng tự nhiên và vượt đường; sử dụng dây dẫn điện nhôm lõi thép phân pha 4xACSR-400/51 cho khoảng cột còn lại.
 - + Một dây chống sét hợp kim nhôm lõi thép PHLOX-116 và một dây cáp quang kết hợp chống sét OPGW-120; đoạn tuyến vượt sông Lô sử dụng 01 dây cáp thép chống sét GSW-120 và 01 dây cáp quang kết hợp chống sét OPGW-140.

- + Sử dụng tiếp địa dạng tia, cọc; sử dụng cách điện truyền thống (gốm/thủy tinh).
- + Xây dựng 01 trạm lắp quang có diện tích 849,51 m² tại xã Yên Thành, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- + Hành lang tuyến với chiều rộng 32 m.
- Lắp đặt thiết bị 02 ngăn lộ 500 kV tại trạm biến áp 500 kV Vĩnh Yên hiện hữu.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

- Dự án gồm 12 cung đoạn thi công, tại mỗi cung đoạn thi công bố trí 01 kho bãi tập kết nguyên vật liệu, thiết bị thi công với diện tích khoảng 3.000 m²/kho bãi, cụ thể:

+ Kho bãi 1: tại xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 1 đến vị trí 40.

+ Kho bãi 2: tại xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 41 đến vị trí 82.

+ Kho bãi 3: tại xã Long Phúc, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 83 đến vị trí 118.

+ Kho bãi 4: tại xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 119 đến vị trí 158.

+ Kho bãi 5: tại xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 159 đến vị trí 196.

+ Kho bãi 6: tại xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 197 đến vị trí 230.

+ Kho bãi 7: tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 231 đến vị trí 268.

+ Kho bãi 8: tại xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 269 đến vị trí 311.

+ Kho bãi 9: tại xã Quảng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 312 đến vị trí 359.

+ Kho bãi 10: tại xã Lãng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 360 đến vị trí 396.

+ Kho bãi 11: tại xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 397 đến vị trí 435.

+ Kho bãi 12: tại xã Minh Quang, thị trấn Hợp Châu, tỉnh Vĩnh Phúc, phục vụ thi công cung đoạn từ vị trí trụ số 436 đến vị trí 470.

- 470 bãi tập kết vật liệu, thi công móng, dựng cột: 200 m²/vị trí tại cột đỡ và 300 m²/vị trí tại cột néo.

c) Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Dự án có 12 cung đoạn thi công, mỗi cung đoạn có 10 tổ thi công, tại mỗi tổ thi công bố trí:

- 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích 3 m³.
 - 03 thùng rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít.
 - 02 thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy.
- d) Các hạng mục, công trình không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường*
- Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công Dự án.
 - Nhà quản lý vận hành hiện hữu của các đơn vị quản lý vận hành.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi 4,08 ha rừng đặc dụng, 4,92 ha rừng tự nhiên và 5,63 ha đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công

- Trong giai đoạn thi công xây dựng phát sinh: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; tác động đến hoạt động giao thông, ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất, di dời nhà cửa phục vụ Dự án.

- Sự cố cháy rừng, sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở đất, sự cố nổ mìn.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Điện từ trường xung quanh thiết bị truyền dẫn điện cao áp ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

- Sự cố đổ trụ điện.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Trong giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của khoảng 40 công nhân xây dựng trên mỗi tổ thi công phát sinh lớn nhất 1,0 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng chất rắn lơ lửng, BOD₅ (20°C), sunfua, phosphat, nitrat, amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms.

- Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng từ hồ móng phát sinh lớn nhất khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{móng trụ}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh nước thải.

3.1.2. Khí thải

a) Trong giai đoạn thi công

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công, đào đắp các vị trí móng trụ điện

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn

a) Trong giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng phát sinh lớn nhất trên mỗi tổ thi công khoảng 26 kg/ngày . Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

- Tổng khối lượng đất đá thải của Dự án khoảng 803.564 m^3 ; thực bì do hoạt động phát quang khoảng $117.738,4 \text{ tấn}$.

b) Trong giai đoạn vận hành

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm các loại dây dẫn, sứ cách điện, các thanh thép cột.

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công

Tổng khối lượng phát sinh lớn nhất trên mỗi tổ thi công khoảng 595 lít dầu nhớt thải bỏ; giẻ lau, vỏ thùng sơn, bao bì dính dầu mỡ, chất thải nguy hại khác khoảng 100 kg .

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng với khối lượng dầu nhớt thải bỏ khoảng 42 lít/năm ; giẻ lau, vỏ thùng sơn, bao bì dính dầu mỡ, chất nguy hại khác, bóng đèn huỳnh quang khoảng 30 kg/năm .

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công

Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vận hành thiết bị thi công của Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Các tác động khác

a) Trong giai đoạn thi công

- Tác động tới tài nguyên sinh vật do chuyển đổi mục đích sử dụng đất; đất bóc tầng mặt của đất trồng lúa phát sinh khoảng 14.075 m³.

- Nước mưa chảy tràn.

- Tác động tới sinh kế, đời sống người dân.

- Tác động do xảy ra rủi ro, sự cố trong quá trình xây dựng đường dây.

b) Giai đoạn vận hành

- Ảnh hưởng tới sức khỏe, điều kiện sinh hoạt của con người trong hành lang tiếp địa do điện từ trường, dòng cảm ứng, tiếng ồn từ hiện tượng phóng điện vầng quang.

- Ảnh hưởng do hạn chế khả năng sử dụng đất để đảm bảo an toàn điện theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Mỗi tổ thi công bố trí 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích 03 m³. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, không thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: Mỗi vị trí thi công móng trụ bố trí 01 hố lắng tạm với dung tích 02 m³ để thu gom và lắng chất lơ lửng trong nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Các phương tiện tham gia hoạt động của Dự án phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu trong Dự án với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí cầu

rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Thường xuyên phun nước, duy trì độ ẩm cao trên bề mặt công trường, bãi chứa nguyên vật liệu, các đoạn đường giao thông vận chuyển nguyên vật liệu vào những ngày không có mưa; sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều, không gây đọng nước, mất vệ sinh với tần suất 02 lần/ngày.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh các phương tiện, máy móc phục vụ thi công.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh bụi, khí thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Tại mỗi tổ thi công đặt 03 thùng rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng:

+ Thực bì phát quang: Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tận thu lâm sản: Chủ dự án phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng của địa phương và đơn vị Chủ rừng xây dựng phương án, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh có liên quan phê duyệt và tổ chức xử lý lâm sản theo đúng quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

+ Khối lượng đất đào tại các vị trí móng trụ được lưu chứa trong phạm vi chiếm đất tạm thời liền kề diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng. Khu vực chứa đất đào bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp 0,3 m nhằm ngăn đất hữu cơ lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh. Sau khi hoàn thành công tác đổ bê tông, toàn bộ lượng đất đào được tập trung vào móng để đầm nén, làm kè gia cố móng.

+ Khoảng 803.564 m³ đất đá thải được thu gom và đổ thải tại 65 bãi đổ thải với tổng dung tích 1.548.550 m³ đã được Ủy ban nhân dân các xã tại vị trí đổ thải chấp

thuận (11 vị trí tại tỉnh Lào Cai với tổng dung tích 425.000 m³; 30 vị trí tại tỉnh Yên Bái với tổng dung tích 585.250 m³; 14 vị trí tại tỉnh Phú Thọ với tổng dung tích 201.300 m³; 10 vị trí tại tỉnh Vĩnh Phúc với dung tích 337.000 m³). Hiện trạng các khu vực bãi thải đang là đất trống với địa hình trũng, thấp. Các lớp đất đá đổ thải được lu lèn chặt để ngăn sạt lở và bị nước mưa cuốn trôi. Kết thúc đổ thải san gạt bề mặt bãi thải cho bằng phẳng, tạo độ dốc thoát tự nhiên và bàn giao cho chủ sử dụng đất, địa phương quản lý sử dụng. Việc sử dụng đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công Dự án phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom về trụ sở đơn vị quản lý vận hành hiện hữu và lưu giữ, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

- Các loại chất thải nguy hại tại mỗi tổ thi công được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 120 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Các thùng chứa được lưu giữ ở khu vực chứa chất thải nguy hại tạm thời tại mỗi tổ thi công có diện tích 04 m². Khu vực chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có bảng tên, biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom về trụ sở đơn vị quản lý vận hành hiện hữu và lưu giữ, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công

- Sử dụng các phương tiện thi công hiện đại, có mức gây ồn thấp khi thi công.

- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy theo đúng quy định.

- Không vận hành thiết bị máy móc có độ ồn cao từ 11h30 - 13h00 và từ 22h00 - 6h00 để hạn chế ảnh hưởng đến các hộ dân sống khu vực lân cận.

- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công không chạy quá tốc độ 40 km/h và cấm bóp còi khi đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế.

- Công nhân lao động tại hiện trường được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

- Tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc nhóm các Dự án khai thác khoáng sản, Dự án chôn lấp chất thải nên Dự án không thuộc trường hợp thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với toàn bộ diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp và các quy định liên quan.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố cháy rừng, cháy nổ:

+ Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở công nhân chấp hành nghiêm túc quy định về an toàn trật tự xã hội, nội quy an toàn lao động và ý thức về bảo vệ môi trường. Khi phát hiện cháy rừng phải thông báo ngay cho các cấp chính quyền địa phương để hỗ trợ và đồng thời huy động lực lượng 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ) để chữa cháy. Xây dựng nội quy và hướng dẫn công nhân xây dựng và vận hành thực hiện nghiêm túc công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Kiểm tra định kỳ hàng tháng về việc quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

- Sự cố sạt lở:

+ Trong giai đoạn thi công: Thường xuyên theo dõi cảnh báo khí tượng thủy văn; không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

+ Trong giai đoạn vận hành: Thường xuyên theo dõi, giám sát sạt lở, sụt lún dọc tuyến đường dây và các vị trí móng cột; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Sự cố thiên tai: Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão; thường xuyên liên lạc với Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để cập nhật thông tin, phối hợp triển khai các phương án phòng chống.

- Sự cố nổ mìn: Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình về khoan nổ mìn; hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện công tác nổ mìn thi công các hạng mục công trình; đảm bảo việc nổ mìn theo đúng thiết kế, tuân thủ nghiêm các quy phạm an toàn về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực nổ mìn; không để người dân, công nhân hoạt động trong phạm vi an toàn nổ mìn.

- Tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên; lắp hàng rào, biển báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn thiết kế khi thi công Dự án.

- Sự cố đổ trụ điện: Kiểm tra sự ổn định, gia cố móng định kỳ; phối hợp với Ban Chỉ đạo bảo vệ an toàn hệ thống điện quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và địa phương thực hiện phương án đề phòng, xử lý sự cố đường dây, rủi ro khi sạt lở móng trụ, ngã đổ đường dây, đặc biệt vào mùa mưa bão.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

a) Giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công

- Nước mưa chảy tràn tại vị trí thi công móng trụ: Đào rãnh thoát nước bao quanh móng có độ dốc đáy từ 1 - 3%; bố trí các hố thu nước kết hợp lắng dọc theo chiều dài rãnh để tách chất rắn lơ lửng bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn trên công trường. Móng trụ sau khi thi công phải được đầm nén, kê móng, xây rãnh thoát nước và trồng cỏ bảo vệ.

- Nước mưa chảy tràn tại 12 kho bãi tập kết nguyên vật liệu, thiết bị thi công của 12 cung đoạn thi công: Thực hiện thu gom, tập kết chất thải, nguyên vật liệu đúng nơi quy định; vệ sinh công trường, kho bãi, trang thiết bị hàng ngày; thường xuyên khai thông các khe tụ thủy tự nhiên quanh khu vực kho bãi để đảm bảo thoát hết nước mưa trên bề mặt kho bãi; đào rãnh thoát nước bao quanh kho bãi có độ dốc từ 1 - 3%; che bạt phủ các khu vực chứa nguyên vật liệu; bố trí các hố thu nước kết hợp lắng dọc theo chiều dài rãnh để tách chất rắn lơ lửng có kích thước lớn bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn trên công trường.

b) Giảm thiểu tác động do việc sử dụng đất

- Với diện tích đất thu hồi vĩnh viễn: Phối hợp hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của địa phương thực hiện tốt chính sách của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng để đảm bảo cuộc sống của các hộ bị ảnh hưởng sớm được ổn định.

- Với diện tích đất sử dụng tạm thời: Phối hợp với chính quyền địa phương, thỏa thuận, thống nhất hình thức thuê mượn đất, bồi thường cây cối hoa màu trên đất với các hộ gia đình có đất thuộc phạm vi sử dụng tạm; hoàn trả nguyên trạng mặt bằng theo đúng quy định sau khi hoàn thành thi công.

- Với diện tích đất trong hành lang an toàn (không bao gồm móng trụ): Phối hợp chính quyền địa phương các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất theo đúng quy định.

c) Giảm thiểu tác động do việc chuyển mục đích sử dụng rừng, tác động đến đa dạng sinh học

- Chỉ được phép triển khai thi công tại các vị trí có rừng sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Lập phương án trồng rừng thay thế trình Ủy ban nhân dân các tỉnh xem xét chấp thuận và thực hiện phương án trồng rừng thay thế với diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án theo đúng quy định tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Lập phương án tạm sử dụng rừng trình Ủy ban nhân dân các tỉnh xem xét chấp thuận với diện tích rừng để thực hiện các hạng mục công trình tạm phục vụ thi công theo đúng quy định tại Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Phối hợp với Ban Quản lý Vườn quốc gia Tam Đảo thành lập tổ giám sát bảo vệ rừng trong quá trình thi công Dự án, thường xuyên giám sát và kiểm tra tại hiện trường thi công, ngăn chặn các hành vi chặt phá cây rừng, khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ trái phép.

- Tại đoạn tuyến có qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên: Sử dụng cột có chiều cao từ 70 m - 111 m đảm bảo khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn 6 m; sử dụng thiết bị bay có điều khiển để rải dây mỗi khi thi công căng dây.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho cán bộ, công nhân viên của Dự án. Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học khu vực thi công xây dựng.

- Thực hiện các nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật, chặt phá thực vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bừa bãi xuống sông, suối, kênh, mương.

- Thực hiện việc tận thu lâm sản với sự giám sát, kiểm tra của cơ quan kiểm lâm địa phương và chủ rừng theo đúng quy định.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

d) Giảm thiểu tác động do việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa

- Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích phi nông nghiệp và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt, thực hiện biện pháp bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Khoảng 14.075 m³ lớp đất bóc tầng đất mặt đất trồng lúa tại các vị trí móng trụ của được lưu chứa trong phạm vi chiếm đất tạm thời liền kề diện tích chiếm đất vĩnh viễn của móng. Khu vực chứa đất bóc bề mặt bố trí bờ bao cao hơn cốt nền san lấp 0,3 m nhằm ngăn đất hữu cơ lưu chứa chảy tràn khu vực xung quanh. Sau khi kết thúc thi công, lượng đất bóc tầng đất mặt được sử dụng theo đúng phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

đ) Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, không chuyên chở quá tải trọng cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ, đường thủy cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

e) Giảm thiểu sự cố sạt lở, sụt lún, bồi lắng

- Thi công đúng theo thiết kế, sử dụng nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn để đảm bảo ổn định, an toàn của công trình.

- Thực hiện kè móng bằng đá hộc tại 205 vị trí trụ nằm trên sườn đồi để giữ phần đất trên móng và taluy âm; bố trí rãnh thoát nước phía taluy dương và trên mặt móng; trồng cỏ gia cố trên sườn dốc để tăng ổn định, chống sạt trượt.

- Bố trí cán bộ, nhân viên thường xuyên kiểm tra công trình nhằm phát hiện ra các nguy cơ gây sạt lở, sụt lún công trình hoặc các vị trí có khả năng bồi lấp gây ngập úng đặc biệt trong các thời điểm có điều kiện thời tiết bất thường.

- Trong quá trình thi công nếu xuất hiện hiện tượng hoặc nguy cơ xói lở, đơn vị thi công phải tạm dừng thi công để xem xét đánh giá mức độ ảnh hưởng và có biện pháp xử lý phù hợp.

- Hạn chế hoạt động thi công khi có mưa lớn.

- Lắp biển cảnh báo, thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở.

- Chỉ được tiến hành thi công vị trí móng trụ G118 thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ Bản Long sau khi được cơ quan quản lý nhà nước cho phép theo quy định về thủy lợi.

f) Giảm thiểu tác động điện trường

- Thường xuyên kiểm tra chiều cao treo dây tỉnh không đoạn võng nhất của đường dây giữa 02 khoảng cột liên kề so với mặt đất theo quy định của ngành điện; khi chiều cao tỉnh không không đạt yêu cầu tiến hành căng dây, bảo dưỡng để đảm bảo chiều cao treo dây tối thiểu.

- Thực hiện đo đạc, kiểm tra định kỳ khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm giao chéo với đường bộ, đường dây điện lực, gần khu dân cư để có biện pháp giảm thiểu đảm bảo theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống tiếp địa tại nhà cửa/vật kiến trúc ngoài hành lang an toàn từ mép hành lang tuyến ra mỗi bên 60 m theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

5.1. Giai đoạn xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 15 vị trí (khu dân cư thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai gần khoảng cột VT6-VT7; khu dân cư gần điểm giao chéo Dự án và quốc lộ 4E, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; trường trung học cơ sở xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; trường mầm non xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; khu dân cư Yên Thịnh gần đường giao thông liên xã, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; khu dân cư Cây Tre, xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái gần khoảng cột VT224-VT225; khu dân cư Tân Lập 7, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái gần vị trí cột G57.27; nhà văn hóa xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; khu dân cư gần quốc lộ 2, xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; khu dân cư thôn Trường Xuân, xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT378-VT379; trường tiểu học xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; khu dân cư Sơn Thanh gần đường giao thông ĐT302, thị trấn Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; khu dân cư Đông Hội, thị trấn Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT433 -VT434; khu dân cư thôn Bán Long, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT455 -VT456; khu dân cư Gia Khau, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT465-VT466).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: 205 vị trí trụ nằm trên sườn đồi.
- Tần suất giám sát: Liên tục.
- Yêu cầu giám sát: Quan sát, kịp thời phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục.

5.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát điện từ trường:

- Vị trí giám sát: 18 vị trí (khu dân cư xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai gần trạm biến áp 500kV Lào Cai; điểm giao chéo quốc lộ 4E, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; điểm giao chéo quốc lộ 70, xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; khu dân cư xóm Kiển, xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai gần khoảng cột VT96-VT97; điểm giao chéo tỉnh lộ 152, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; khu dân cư làng Dục, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái gần khoảng cột VT209-210; khu dân cư thôn Đức Quân, xã Bằng Luân, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ gần khoảng cột VT276-VT277; điểm giao chéo quốc lộ 70B, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; khu dân cư xóm Din, xã Đại An, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ gần khoảng cột VT325-VT326; điểm giao chéo đường cao tốc Bắc Nam phía Tây, xã Năng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; điểm giao chéo đường dây 220 kV, xã Đại An, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; khu dân cư thôn Trường Xuân, xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT378-VT379; khu dân cư thôn Minh Sơn, xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT387-VT388; khu dân cư thôn Dương Chỉ, thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT407-VT408; khu dân cư xóm Dầu, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT417-VT418; khu dân cư thôn Hữu Tài, xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT422-VT423; khu dân cư thôn Bàn Long, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT456-VT457; khu dân cư thôn Gia Khau, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc gần khoảng cột VT465-VT466).

- Thông số giám sát: điện từ trường.
- Tần suất giám sát: định kỳ 06 tháng/lần.
- Quy định so sánh: Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và QCVN 25/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.
- Sau khi dự án đóng điện: thực hiện giám sát điện từ trường 01 lần tại các nhà/vật kiến trúc nổi đất từ mép ngoài hành lang tuyến ra mỗi bên 60 m.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, các thủ tục về đầu tư và xây dựng công trình điện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt, thực hiện biện pháp bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt.

- Tuân thủ các quy định tại Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá, phương án tận thu tài nguyên rừng trong phạm vi của Dự án, kế hoạch trồng rừng thay thế, bồi hoàn diện tích rừng bị chiếm dụng do việc thực hiện Dự án và trồng rừng thay thế theo đúng quyết định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trong quá trình thực hiện Dự án, nếu phát hiện các loài động thực vật quý hiếm phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn.

- Thường xuyên giám sát và kiểm tra tại hiện trường thi công xây dựng Dự án nhằm đảm bảo các hoạt động thi công nằm trong ranh giới được phê duyệt và ngăn chặn các hành vi săn bắt, mua bán động vật rừng, phát quang, khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ trái phép ngoài khu vực giao đất cho Dự án. Thực hiện việc tận thu lâm sản với sự giám sát, kiểm tra của cơ quan kiểm lâm địa phương và chủ rừng theo đúng quy định.

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và các giải pháp thi công phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; đảm bảo chất lượng nước

mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Việc tận dụng đất đá thải, thu hồi tài nguyên, khoáng sản của Dự án phải thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

- Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành khác có liên quan có giải pháp kỹ thuật nổ mìn hiện đại để giảm thiểu sóng chấn động, sóng va đập không khí khi tiến hành nổ mìn để đảm bảo tuyệt đối an toàn.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để giảm thiểu hạn chế tối đa sạt lở, giảm thiểu các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định, thỏa thuận về vị trí các bãi đổ thải phát sinh trong quá trình thi công Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp cải tạo, nối đất các công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng và các quy định về an toàn điện.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo tồn đa dạng sinh học, lâm nghiệp, quản lý đất đai, xây dựng, an toàn điện, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy, an ninh, quốc phòng, thủy lợi, đề điều, giao thông.

- Phối hợp với các cơ quan có chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian thi công vượt đường giao thông thủy, bộ; cải tạo, sửa chữa các đoạn đường, công trình cầu, cống bị hư hỏng, xuống cấp do hoạt động của Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình xây dựng, vận hành; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý, giám sát môi trường.

- Phải hoàn trả mặt bằng theo đúng quy định đối với diện tích đất bị thu hồi tạm thời để phục vụ thi công.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

α

COI TRINH